

## TỜ TRÌNH

### V/v phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng Công trình: Mở mới đường ranh cản lửa năm 2020

Kính gửi : Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án đầu tư Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Mở mới đường ranh cản lửa năm 2020, Dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Văn bản số 1213 /SNN-QLCT ngày 10 /7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Mở mới đường ranh cản lửa năm 2020 thuộc Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020.*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh Quảng Trị xem xét, phê duyệt thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Mở mới đường ranh cản lửa năm 2020 với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Mở mới đường ranh cản lửa năm 2020.

**2. Chủ đầu tư:** Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị.

**3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Việc đầu tư mở mới các tuyến đường ranh cản lửa nhằm tạo ra hệ thống đường ranh liên hoàn để phòng cháy, phục vụ chữa cháy rừng, sẵn sàng huy động lực lượng, điều chuyển được phương tiện máy móc chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra; kết hợp làm đường tuần tra, canh gác bảo vệ rừng, vận chuyển nguyên vật liệu để bảo vệ và phát triển rừng trong khu vực.

**4. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**4.1. Quy mô công trình:**

Tổng chiều dài các tuyến đường ranh cản lửa thiết kế mở mới năm 2020 là 33 km, gồm 33 tuyến và được bố trí như sau:

- Tuyến 1: Chiều dài 690 m, xuất phát từ mốc số 1, có tọa độ điểm đầu X:

1.882.497, Y: 559.606, tại tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Nam sang Tây Bắc, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 2, có tọa độ điểm cuối X: 1.882.694; Y: 559.004, gần giáp ranh giới tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, thuộc tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 2: Chiều dài 800 m, xuất phát từ mốc số 3, có tọa độ điểm đầu X: 1.882.356, Y: 559.582, tại tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 4, có tọa độ điểm cuối X: 1.882.075; Y: 558.904, gần giáp với ranh giới tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, thuộc tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 3: Chiều dài 1.300 m, xuất phát từ mốc số 5, có tọa độ điểm đầu X: 1.882.605, Y: 561.102, tại tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 6, có tọa độ điểm cuối X: 1.881.994; Y: 560.346, thuộc tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 4: Chiều dài 760 m, xuất phát từ mốc số 7, có tọa độ điểm đầu X: 1.882.616, Y: 562.212, tại tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 8, có tọa độ điểm cuối X: 1.881.990; Y: 562.311; cuối ranh giới khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 556, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 5: Chiều dài 2.450 m, xuất phát từ mốc số 9, có tọa độ điểm đầu X: 1.881.974, Y: 561.336, tại tiểu khu 556, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 10, có tọa độ điểm cuối X: 1.880.814; Y: 560.095, gần ranh giới Công ty Lâm nghiệp Bến Hải và Ban quản lý RPH lưu vực sông Bến Hải, thuộc tiểu khu 556, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 6: Chiều dài 1.450 m, xuất phát từ mốc số 11, có tọa độ điểm đầu X: 1.877.067, Y: 566.732, tại tiểu khu 560, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 12, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.942; Y: 566.101; cuối ranh giới khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 560, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 7: Chiều dài 670 m, xuất phát từ mốc số 13 điểm nối với tuyến số 8, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.496, Y: 564.601, tại tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Nam lên Tây Bắc, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 14, có tọa độ điểm cuối X: 1.876.896; Y: 564.293; cuối ranh giới khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 8: Chiều dài 990 m, xuất phát từ mốc số 15, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.520, Y: 564.991, tại tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông sang Tây, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 16, có tọa độ điểm cuối X: 1.876.267; Y: 564.204; cuối ranh giới khu

rừng trồng, thuộc tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 9: Có chiều dài 760 m, xuất phát từ mốc số 17, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.299, Y: 564.072, tại tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Đông Nam lên Tây Bắc, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 18, cuối ranh giới khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 573, xã Vĩnh Hà; có tọa độ điểm cuối X: 1.876.595; Y: 563.452.

- Tuyến 10: Có chiều dài 920 m, xuất phát từ mốc số 19, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.520, Y: 564.991, tại tiểu khu 560, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Tây Bắc đến Đông Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 20, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.855; Y: 565.392, trong khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 560, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 11: Có chiều dài 2.210 m, xuất phát từ mốc số 21, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.940, Y: 567.593, tại tiểu khu 574, xã Vĩnh Hà; đi theo hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Công ty lâm nghiệp Bến Hải, đến tọa độ X: 1.874.857, Y: 567.777 đổi hướng Đông Nam. Kết thúc tại mốc số 22, có tọa độ điểm cuối X: 1.874.252; Y: 567.074, cuối khu rừng trồng, thuộc tiểu khu 574, xã Vĩnh Hà.

- Tuyến 12: Có chiều dài 2.140 m, xuất phát từ mốc số 23, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.486, Y: 561.918, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng năm 2019 (đã chừa đất không trồng rừng để làm đường ranh) và phần đất không có rừng dự kiến trồng rừng năm 2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 24, có tọa độ điểm cuối X: 1.874.933; Y: 561.402, thuộc tiểu khu 574, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 13: Có chiều dài 250 m, xuất phát từ mốc số 25, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.278, Y: 561.765, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô; đi theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu đất không có rừng dự kiến trồng rừng năm 2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 26, có tọa độ điểm cuối X: 1.876.103; Y: 561.610, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 14: Có chiều dài 290 m, xuất phát từ mốc số 27, có tọa độ điểm đầu X: 1.876.023, Y: 561.766; đi theo giông hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu đất không có rừng dự kiến trồng rừng năm 2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 28, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.764; Y: 561.884, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 15: Có chiều dài 270 m, xuất phát từ mốc số 29, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.893, Y: 561.569; đi theo giông hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, ranh giới rừng trồng năm 2019 và khu đất không có rừng dự kiến trồng rừng năm 2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 30, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.784;

Y: 561.805, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 16: Có chiều dài 260 m, xuất phát từ mốc số 31, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.534, Y: 561.483; đi theo giồng hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu rừng trồng năm 2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 32, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.332; Y: 561.637, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 17: Có chiều dài 300 m, xuất phát từ mốc số 33, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.434, Y: 561.342; đi theo giồng hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu rừng trồng năm 2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 34, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.243; Y: 561.582, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 18: Có chiều dài 270 m, xuất phát từ mốc số 35, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.101, Y: 561.353; đi theo giồng hướng từ Đông sang Tây, trong khu rừng trồng năm 2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 36, có tọa độ điểm cuối X: 1.875.040; Y: 561.103, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 19: Có chiều dài 420 m, xuất phát từ mốc số 37, có tọa độ điểm đầu X: 1.874.789, Y: 561.459; đi theo giồng hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng năm 2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 38, có tọa độ điểm cuối X: 1.874.397; Y: 561.362, thuộc tiểu khu 575Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 20: Có chiều dài 2.100 m, xuất phát từ mốc số 39, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.278, Y: 560.624; hướng từ Đông sang Tây đi theo ranh giới của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải và phân đất của dân, tại tiểu khu 583Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 40, có tọa độ điểm cuối X: 1.869.135; Y: 559.136, tiểu khu 583Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 21: Có chiều dài 900 m, xuất phát từ mốc số 41, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.069, Y: 558.915; hướng từ Đông sang Tây, đến tọa độ X: 1.869.107, Y: 558.494 đổi lên hướng Bắc, đi theo ranh giới của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải và phân đất của dân, tại tiểu khu 583Ô, xã Vĩnh Ô. Kết thúc tại mốc số 42, có tọa độ điểm cuối X: 1.869.108; Y: 558.494, trên ranh giới tiểu khu 582 và 583Ô, xã Vĩnh Ô.

- Tuyến 22: Có chiều dài 800 m, xuất phát từ mốc số 43, có tọa độ điểm đầu X: 1.868.241, Y: 554.945, tại tiểu khu 598T, xã Linh Trường, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, đi theo đường lô đã chừa sẵn hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Kết thúc tại mốc số 44, có tọa độ điểm cuối X: 1.867.756; Y: 554.431 tại tiểu khu 598T, xã Linh Trường huyện Gio Linh.

- Tuyến 23: Có chiều dài 1.400 m, xuất phát từ mốc số 45, có tọa độ điểm

đầu X: 1.870.498, Y: 569.445, tại tiểu khu 591, xã Linh Trường; trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, đi theo hướng từ Bắc xuống Nam, đến tọa độ X: 1.869.659, Y: 569.406 đối về hướng Đông. Kết thúc tại mốc số 46, có tọa độ điểm cuối X: 1.869.735; Y: 569.798, tại tiểu khu 591.

- Tuyên 24: Có chiều dài 800 m, xuất phát từ mốc số 47, có tọa độ điểm đầu X: 1.870.345, Y: 569.683, tại tiểu khu 591, xã Linh Trường; hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 591, xã Linh Trường. Kết thúc tại mốc số 48, có tọa độ điểm cuối X: 1.869.724; Y: 569.935, tại tiểu khu 591.

- Tuyên 25: Có chiều dài 630 m, xuất phát từ mốc số 49, có tọa độ điểm đầu X: 1.870.291, Y: 569.777, tại tiểu khu 591, xã Linh Trường; hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, tại tiểu khu 591, xã Linh Trường. Kết thúc tại mốc số 50, có tọa độ điểm cuối X: 1.869.724; Y: 569.935, tại tiểu khu 591, trùng với mốc 48 của tuyên 24.

- Tuyên 26: Có chiều dài 3.250 m, xuất phát từ mốc số 51, có tọa độ điểm đầu X: 1.868.489, Y: 567.644, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; hướng từ Nam lên Bắc, đi đến tọa độ X: 1.869.051, Y: 567.666 đối hướng đi về phía Đông, qua các mốc 53, 55, 57, 59, đến tọa độ X: 1.869.381, Y: 568.725 đối hướng đi về phía Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 52, có tọa độ điểm cuối X: 1.868.675; Y: 568.840, tại tiểu khu 592A, xã Linh Trường.

- Tuyên 27: Có chiều dài 750 m, xuất phát từ mốc số 53, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.114, Y: 567.790, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 54, có tọa độ điểm cuối X: 1.868.588; Y: 568.082, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

- Tuyên 28: Có chiều dài 460 m, xuất phát từ mốc số 55, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.100, Y: 568.109, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 56, có tọa độ điểm cuối X: 1.868.747, Y: 568.357, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

- Tuyên 29: Có chiều dài 350 m, xuất phát từ mốc số 57, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.184, Y: 568.389, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 58, có tọa độ điểm cuối X: 1.868.873, Y: 568.388, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

- Tuyên 30: Có chiều dài 1.330 m, xuất phát từ mốc số 59, có tọa độ điểm đầu X: 1.869.206, Y: 568.580, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, qua các mốc 54, 56, 58, trong khu rừng trồng của

Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 60, có tọa độ điểm cuối X: 1.868.623, Y: 567.850, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

- Tuyến 31: Có chiều dài 2.130 m, xuất phát từ mốc số 61, có tọa độ điểm đầu X: 1.868.817, Y: 568.610, tại tiểu khu 592A, xã Linh Trường; hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, qua các mốc 63, 66, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, đến tọa độ X: 1.867.942, Y: 567.721 đổi hướng về Đông Nam. Kết thúc tại mốc số 62, có tọa độ điểm cuối X: 1.867.711, Y: 568.121, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

- Tuyến 32: Có chiều dài 460 m, xuất phát từ mốc số 63, có tọa độ điểm đầu X: 1.868.326, Y: 568.195, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; điểm nối với tuyến 31, hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải, qua mốc 65 của tuyến 33. Kết thúc tại mốc số 64, có tọa độ điểm cuối X: 1.867.918, Y: 568.172, trên ranh giới tiểu khu 592A và 592B, xã Linh Trường.

- Tuyến 33: Có chiều dài 440 m, xuất phát từ mốc số 65, có tọa độ điểm đầu X: 1.868.020, Y: 568.140, tại tiểu khu 592B, xã Linh Trường; điểm nối với tuyến 32, hướng từ Đông sang Tây, trong khu rừng trồng của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải. Kết thúc tại mốc số 66, có tọa độ điểm cuối X: 1.867.930, Y: 567.776, thuộc tiểu khu 592B, xã Linh Trường.

#### **4.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

- Chiều rộng đường ranh cản lửa nâng cấp: thiết kế rộng 6,0m và thi công đại trắng toàn diện, độ dốc mặt đường  $i=2,5\%$ .

- San đào cơ giới kết hợp thủ công: Chiều dày san đào trung bình 25 - 30cm. Sử dụng máy ủi để đào, san gạt, lấp hầm hố, mô ụ kết hợp với nhân công chỉnh sửa tại các vị trí cục bộ mặt đường và hai bên lề đường trên toàn tuyến.

**5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế và dự toán:** Công ty TNHH MTV Phát triển nông lâm Quảng Trị.

**6. Địa điểm xây dựng:** Tại các xã: Vĩnh Hà, Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh và xã Linh Trường, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

**7. Loại và cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, công trình Lâm nghiệp (lâm sinh), cấp IV.

**8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 990.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi triệu đồng chẵn).** Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	916.477.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	19.496.000	đồng;
- Chi phí tư vấn:	50.403.000	đồng;
- Chi phí khác:	3.624.000	đồng.

**9. Nguồn vốn:** Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cấp bách cho các dự án phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng năm 2019.

**10. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

**11. Thời gian thực hiện:** Năm 2020

**12. Đơn vị quản lý, sử dụng:** giao Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bến Hải quản lý, khai thác và chịu trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng công trình.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, QLCT.

**GIÁM ĐỐC****Hồ Xuân Hòa**